PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
Gói thầu số 03: Thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền
(Đính kèm Thông báo số /TB-SYT ngày tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
1	1	Actiso	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Gói/ Ống	48.000	
2	2	Actiso	Uống	Viên	1	Viên	97.000	
3	3	Actiso	Uống	Viên nang	1	Viên	295.000	
4	4	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên nang	1	Viên	1.717.100	
5	5	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính	Uống	Viên nang	1	Viên	178.900	
6	6	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên	1	Viên	2.276.500	
7	7	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên nang	1	Viên	1.460.000	
8	8	Bột bèo hoa dâu	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	ml	1.537.040	
9	9	Bột bèo hoa dâu	Uống	Viên nang	1	Viên	394.900	
10	10	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống	Viên nang	1	Viên	1.705.089	
11	11	Chè dây	Uống	Viên nang	1	Viên	1.458.200	
12	12	Diếp cá, Rau má	Uống	Viên nang	1	Viên	125.000	
13	13	Diệp hạ châu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	58.600	
14	14	Diệp hạ châu	Uống	Viên	1	Viên	549.100	
15	15	Diệp hạ châu	Uống	Viên nang	1	Viên	298.000	
16	16	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Gói/ Ống	110.000	
17	17	Hoạt thạch, Cam thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	92.000	
18	19	Kim tiền thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	802.000	
19	20	Kim tiền thảo	Uống	Viên	1	Viên	1.943.600	
20	21	Kim tiền thảo	Uống	Viên nang	1	Viên	670.256	
21	22	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô	Uống	viên nang	1	Viên	2.770.656	
22	23	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	1	Viên	1.290.000	
23	24	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên nang	2	Viên	30.000	
24	25	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên	2	Viên	227.000	
25	26	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	50.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
26	27	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	60.000	
27	29	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì	Uống	Viên	2	Viên	54.000	
28	30	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sử quân tử, Bán hạ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	10.000	
29	31	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, (Cát cánh), Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha/Sơn tra, (Thần khúc)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	5.000	
30	32	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đằng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm	Uống	Viên hoàn cứng	2	gam	356.000	
31	33	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Viên hoàn cứng	2	gam	5.000	
32	34	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	2	Gói	70.000	
33	36	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	50.000	
34	37	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Uống	Viên hoàn cứng	2	gam	1.650.000	
35	38	Cát lâm sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiếm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sử quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cốc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch biển đậu	Uống	Viên nang	2	Viên	10.000	
36	40	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên	131.600	
37	41	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	ml	5.000	
38	42	Diệp hạ châu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	2	Gói	3.360	
39	43	Diệp hạ châu	Uống	Viên nang	2	Viên	170.000	
40	44	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	Uống	Viên	2	Viên	130.000	
41	45	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Uống	Viên nang	2	Viên	1.975.400	
42	47	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên	2	Viên	8.213.000	
43	48	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên nang	2	Viên	4.948.600	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
44	49	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo	Uống	Viên nang	2	Viên	36.000	
45	50	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ	Uống	Viên nang	2	Viên	1.657.000	
46	51	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống	Viên	2	Viên	192.600	
47	52	Dừa cạn, Cúc hoa, Hòe hoa, Tâm sen, (Cỏ ngọt)	Uống	Viên	2	Viên	282.000	
48	53	Đương quy, Bạch quả	Uống	Viên nang	2	Viên	572.560	
49	54	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	10.000	
50	55	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	5.000	
51	57	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ)	Uống	Viên nang	2	Viên	20.000	
52	58	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	10.000	
53	59	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Viên	2	Viên	299.000	
54	60	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Viên nang	2	Viên	3.033.500	
55	61	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương)	Uống	Viên	2	Viên	10.000	
56	62	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	Uống	Viên	2	Viên	600	
57	64	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử	Uống	Viên	2	Viên	795.200	
58	66	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	990.416	
59	67	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	17.963.793	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
60	68	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác	Uống	Viên nang	2	Viên	587.500	
61	69	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	619.000	
62	70	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Viên	2	Viên	30.000	
63	71	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Viên nang	2	Viên	778.000	
64	72	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	36.000	
65	74	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng	Uống	Viên nang	2	Viên	41.000	
66	75	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	Uống	Viên nang	2	Viên	50.000	
67	76	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma	Uống	Viên nang	2	Viên	120.000	
68	79	Kim tiền thảo	Uống	Viên nang	2	Viên	577.100	
69	80	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô	Uống	viên nang	2	Viên	559.100	
70	82	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	2	Viên	2.354.000	
71	83	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Uống	Viên	2	Viên	2.958.660	
72	84	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Uống	Viên nang	2	Viên	492.300	
73	85	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi/Rotundin	Uống	Viên	2	Viên	20.000	
74	86	Lá xoài	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	ml	830.800	
75	87	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	5.600	
76	89	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	2	ml	156.000	
77	90	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salycilat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	ml	646.200	
78	92	Nghệ vàng	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	170.000	
79	93	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói/ Ống	20.000	
80	94	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông)	Uống	Viên nang	2	Viên	204.000	
81	95	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	ml	6.997.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
82	96	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	776.875	
83	97	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện	Uống	Viên hoàn cứng	2	gam	1.919.000	
84	99	Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, (Đương quy)	Uống	Viên hoàn cứng	2	gam	180.000	
85	100	Tinh dầu Thiên niên kiện, Tinh dầu thông, Menthol, Methyl salicylat	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	ml	300.000	
86	102	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	780.000	
87	103	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	ml	266.000	
88	104	Actiso	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	gam	792.000	
89	106	Actiso	Uống	Viên	3	Viên	33.240	
90	107	Actiso	Uống	Viên nang	3	Viên	187.204	
91	108	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên	3	Viên	25.600	
92	109	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	1.070.360	
93	110	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên nang	3	Viên	120.000	
94	111	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính	Uống	Viên	3	Viên	1.599.000	
95	112	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính	Uống	Viên nang	3	Viên	50.000	
96	113	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên	3	Viên	102.000	
97	114	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	318.300	
98	115	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai	Uống	Viên nang	3	Viên	94.000	
99	116	Actiso, Rau má	Uống	Viên	3	Viên	537.000	
100	117	Actiso, Rau má	Uống	Viên nang	3	Viên	73.042	
101	118	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	438.000	
102	119	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	Uống	Viên	3	Viên	1.086.000	
103	120	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	50.000	
104	121	Bách bộ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	609.100	
105	122	Bách bộ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.278.020	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
106	123	Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa	Uống	Viên	3	Viên	45.700	
107	124	Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa	Uống	Viên nang	3	Viên	960.574	
108	125	Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà	Uống	Viên	3	Viên	10.000	
109	126	Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà	Uống	Viên nang	3	Viên	616.200	
110	127	Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa	Uống	Viên	3	Viên	1.389.800	
111	128	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	783.000	
112	129	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.371.900	
113	130	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả)	Uống	Viên	3	Viên	1.105.000	
114	131	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả)	Uống	Viên nang	3	Viên	620.300	
115	132	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì	Uống	Viên	3	Viên	864.200	
116	133	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thược, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	24.000	
117	134	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sử quân tử, Bán hạ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	878.000	
118	135	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, (Cát cánh), Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha/Sơn tra, (Thần khúc)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	586.500	
119	136	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, (Cát cánh), Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha/Sơn tra, (Thần khúc)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	732.000	
120	137	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đằng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.040.400	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
121	138	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.616.000	
122	139	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	viên	3	Viên	40.900	
123	140	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	907.600	
124	141	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	1.969.200	
125	142	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	Viên nang	3	Viên	147.000	
126	143	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	526.574	
127	145	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Viên	3	Viên	18.600	
128	146	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	22.714	
129	147	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	31.247	
130	148	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Viên nang	3	Viên	466.340	
131	149	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đảng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phấn hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	330.000	
132	150	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	197.300	
133	151	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam	Uống	Viên	3	Viên	121.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
134	152	Bìm bìm biếc, Phan tả diệp, Đại hoàng, Chỉ xác, Cao mật heo	Uống	Viên	3	Viên	265.095	
135	153	Bồ bồ	Uống	Viên nang	3	Viên	20.000	
136	154	Bồ công anh, Kim ngân hoa, Thương nhĩ tử, Hạ khô thảo, Thổ phục linh, Huyền sâm, Sài đất	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	60.000	
137	155	Bột bèo hoa dâu	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	144.000	
138	156	Bột bèo hoa dâu	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	4.918.937	
139	157	Bột bèo hoa dâu	Uống	Viên	3	Viên	715.600	
140	158	Bột bèo hoa dâu	Uống	Viên nang	3	Viên	358.061	
141	159	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	30.000	
142	161	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	Uống	Viên nang	3	Viên	58.000	
143	162	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	673.000	
144	163	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	860.000	
145	164	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	428.000	
146	165	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.514.936	
147	166	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương	Uống	Viên nang	3	Viên	1.358.600	
148	167	Cao khô lá dâu tằm	Uống	Viên nang	3	Viên	50.000	
149	168	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống	Viên	3	Viên	407.600	
150	169	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	72.000	
151	170	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống	Viên nang	3	Viên	686.865	
152	171	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	Uống	Viên nang	3	Viên	20.000	
153	172	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	793.500	
154	173	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.566.000	
155	174	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	Uống	Viên nang	3	Viên	4.926.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
156	175	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	6.000	
157	176	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	7.800	
158	178	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	120.000	
159	180	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa)	Uống	Viên nang	3	Viên	346.000	
160	181	Chè dây	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	495.000	
161	182	Chè dây	Uống	Viên nang	3	Viên	737.000	
162	183	Chỉ thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du	Uống	Viên	3	Viên	195.000	
163	184	Chỉ thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du	Uống	Viên nang	3	Viên	365.500	
164	185	Đan sâm, Tam thất	Uống	Viên	3	Viên	292.000	
165	187	Đan sâm, Tam thất, Borneol/Băng phiến/Camphor	Uống	Viên nang	3	Viên	715.803	
166	188	Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo, Thục địa, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, ích mẫu	Uống	Viên nang	3	Viên	29.162	
167	189	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	4.846.904	
168	190	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	Uống	Viên	3	Viên	305.058	
169	191	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	12.000	
170	192	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	Uống	Viên nang	3	Viên	67.839	
171	193	Dầu gió các loại	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	292.484	
172	194	Dầu gừng	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	609.400	
173	195	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	692.000	
174	196	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	120.000	
175	197	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	80.000	
176	198	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	2.605.134	
177	199	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Uống	Viên nang	3	Viên	1.312.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
178	200	Diếp cá, Rau má	Uống	Viên	3	Viên	844.600	
179	201	Diếp cá, Rau má	Uống	Viên nang	3	Viên	360.600	
180	202	Diệp hạ châu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	466.000	
181	204	Diệp hạ châu	Uống	Viên	3	Viên	145.000	
182	205	Diệp hạ châu	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.080.000	
183	206	Diệp hạ châu	Uống	Viên nang	3	Viên	150.000	
184	207	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	Uống	Viên	3	Viên	1.473.692	
185	208	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần	Uống	Viên	3	Viên	1.009.882	
186	209	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần	Uống	Viên nang	3	Viên	1.998.100	
187	210	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	333.400	
188	211	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi	Uống	Viên	3	Viên	393.700	
189	212	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi	Uống	Viên nang	3	Viên	558.000	
190	213	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất	Uống	Viên	3	Viên	50.000	
191	214	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất	Uống	Viên nang	3	Viên	298.271	
192	215	Diệp hạ châu, Nhân trần, cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.235.000	
193	216	Diệp hạ châu, Nhân trần, cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	Uống	Viên	3	Viên	1.207.460	
194	217	Diệp hạ châu, Nhân trần, cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	498.000	
195	218	Diệp hạ châu, Nhân trần, cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ)	Uống	Viên nang	3	Viên	840.972	
196	219	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	540.000	
197	220	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa	Uống	Viên	3	Viên	2.400	
198	221	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa	Uống	Viên nang	3	Viên	1.506.000	
199	222	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Uống	Viên	3	Viên	807.793	
200	223	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Uống	Viên nang	3	Viên	969.900	
201	224	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	343.000	
202	225	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	722.020	
203	226	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.660.000	
204	227	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên	3	Viên	7.843.720	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
205	228	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	100.000	
206	229	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên nang	3	Viên	2.909.384	
207	230	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.210.000	
208	231	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	1.549.000	
209	232	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ	Uống	Viên nang	3	Viên	4.586.600	
210	233	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống	Viên	3	Viên	2.897.254	
211	234	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	60.000	
212	235	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống	Viên nang	3	Viên	2.635.800	
213	237	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	3.075.000	
214	238	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên	3	Viên	895.050	
215	239	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên bao tan ở ruột	3	Viên	470.000	
216	240	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	61.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
217	241	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	525.500	
218	242	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên nang	3	Viên	1.553.870	
219	243	Đương quy di thực	Uống	Viên nang	3	Viên	280.000	
220	244	Đương quy, Bạch quả	Uống	Viên	3	Viên	20.000	
221	245	Đương quy, Bạch quả	Uống	Viên nang	3	Viên	4.319.524	
222	246	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	987.300	
223	247	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	163.200	
224	248	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Viên	3	Viên	549.600	
225	249	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	1.298.384	
226	250	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	626.080	
227	251	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống	Viên nang	3	Viên	473.800	
228	252	Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ	Uống	Viên	3	Viên	635.176	
229	253	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	555.000	
230	255	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	284.822	
231	256	Gừng	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	100.400	
232	257	Gừng	Uống	Viên nang	3	Viên	10.774	
233	258	Gừng	Uống	Viên sủi	3	Viên	84.600	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
234	259	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	20.000	
235	260	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	40.000	
236	261	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	3.411.000	
237	262	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ)	Uống	Viên	3	Viên	128.000	
238	264	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ)	Uống	Viên nang	3	Viên	2.612.400	
239	265	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	546.100	
240	266	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	292.000	
241	267	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	6.897.448	
242	268	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Viên	3	Viên	1.923.300	
243	269	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Viên nang	3	Viên	4.350.676	
244	270	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế	Uống	Viên	3	Viên	421.800	
245	271	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế	Uống	Viên nang	3	Viên	664.712	
246	272	Hải Sâm	Uống	Viên nang	3	Viên	312.000	
247	273	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương)	Uống	Viên	3	Viên	540.200	
248	274	Hoài sơn, Đậu ván trắng/Bạch biển đậu, Ý dĩ, Sa nhân, Mạch nha, Trần bì, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Liên nhục	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	96.500	
249	275	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	Uống	Viên	3	Viên	165.000	
250	276	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	Uống	Viên	3	Viên	710.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
251	277	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	Uống	Viên nang	3	Viên	88.000	
252	278	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử	Uống	Viên	3	Viên	803.152	
253	279	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	274.600	
254	280	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương	Uống	Viên nang	3	Viên	138.000	
255	281	Hoạt thạch, Cam thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	496.000	
256	282	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	460.000	
257	283	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh)	Uống	Viên nang	3	Viên	2.178.008	
258	284	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	3.847.400	
259	285	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	12.014.104	
260	287	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác	Uống	Viên	3	Viên	1.031.600	
261	288	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác	Uống	Viên nang	3	Viên	2.752.900	
262	289	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh	Uống	Viên	3	Viên	287.700	
263	290	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	3	Viên	1.530.400	
264	291	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Cẩu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì	Uống	Viên	3	Viên	2.049.000	
265	292	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Cẩu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	220.000	
266	293	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Cẩu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	672.000	
267	294	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	468.100	
268	295	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.250.000	
269	296	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Viên	3	Viên	214.000	
270	297	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	1.341.000	
271	298	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	Viên nang	3	Viên	780.000	
272	299	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.168.200	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
273	300	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh	Uống	Viên nang	3	Viên	334.000	
274	301	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	160.000	
275	303	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	498.000	
276	304	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	Viên	3	Viên	178.000	
277	305	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	Viên nang	3	Viên	369.800	
278	306	Kha tử, mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược	Uống	Viên	3	Viên	773.603	
279	307	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược	Uống	Viên nang	3	Viên	625.000	
280	309	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	615.000	
281	310	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	230.000	
282	311	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị)	Uống	Viên nang	3	Viên	230.000	
283	312	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng	Uống	Viên nang	3	Viên	471.000	
284	313	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	1.400.000	
285	314	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma	Uống	Viên	3	Viên	211.000	
286	315	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma	Uống	Viên nang	3	Viên	547.016	
287	316	Kim tiền thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	gam	3.207.000	
288	317	Kim tiền thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	62.100	
289	318	Kim tiền thảo	Uống	Viên	3	Viên	75.000	
290	319	Kim tiền thảo	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	999.000	
291	320	Kim tiền thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	1.438.444	
292	321	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng	Uống	Viên	3	Viên	979.104	
293	322	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	110.000	
294	323	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô	Uống	Viên	3	Viên	221.000	
295	324	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô	Uống	viên nang	3	Viên	1.339.400	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
296	325	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa), (Đường kính trắng)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	1.802.000	
297	326	Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt	Uống	Viên nang	3	Viên	1.487.724	
298	327	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên	3	Viên	204.000	
299	328	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	1.000.000	
300	329	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	696.000	
301	330	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	3	Viên	1.148.000	
302	331	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Uống	Viên	3	Viên	1.226.136	
303	332	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ)	Uống	Viên nang	3	Viên	760.400	
304	333	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi/Rotundin	Uống	Viên	3	Viên	487.874	
305	334	Lá thường xuân	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	610.000	
306	335	Lá thường xuân	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	887.000	
307	336	Lá thường xuân	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	7.422.000	
308	337	Lá thường xuân	Uống	Viên	3	Viên	476.000	
309	338	Lá thường xuân	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	90.000	
310	339	Lá thường xuân	Uống	Viên nang	3	Viên	541.000	
311	340	Lá xoài	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	5.052.200	
312	341	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	978.885	
313	342	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	2.898.040	
314	343	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp	Uống	Viên nang	3	Viên	330.478	
315	344	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	3	ml	16.000	
316	345	Linh chi, Đương quy	Uống	Viên nang	3	Viên	553.900	
317	346	Lộc giác giao, Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đỗ trọng, Đương quy, Câu kỷ tử/Kỷ tử, Thỏ ty tử, Quế nhục, Phụ tử chế/Hắc phụ	Uống	Viên nang	3	Viên	30.000	
318	349	Long đởm, Actiso, Chi tử, Đại hoàng, Trạch tả, Địa hoàng, Nhân trần, Hoàng Cầm, Sài hồ, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	252.393	
319	350	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salycilat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	13.648.449	
320	351	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Đương quy, Tần giao, Ngưu tất	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	3.684.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
321	352	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	280.600	
322	353	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	3.291.236	
323	354	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	3	Viên	2.538.204	
324	355	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất)	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	2.310.000	
325	356	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất)	Uống	Viên nang	3	Viên	6.770.280	
326	357	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liền, Quế chi	Uống	Viên nang	3	Viên	616.000	
327	359	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	294.700	
328	360	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.951.000	
329	361	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Viên	3	Viên	430.800	
330	362	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	390.200	
331	363	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	170.784	
332	364	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	39.000	
333	365	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Uống	Viên nang	3	Viên	277.000	
334	367	Men bia ép tinh chế	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	90.000	
335	368	Men bia ép tinh chế	Uống	Viên	3	Viên	5.220	
336	369	Mộc hoa trắng	Uống	Viên	3	Viên	20.000	
337	370	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du)	Uống	Viên	3	Viên	186.000	
338	371	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du)	Uống	Viên nang	3	Viên	274.500	
339	372	Nghệ vàng	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	202.500	
340	373	Nghệ vàng	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	5.280.000	
341	374	Nghệ vàng	Uống	Viên	3	Viên	10.000	
342	375	Nghệ vàng	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	930.000	
343	376	Ngũ sắc, (Tân di hoa, Thương Nhĩ Tử)	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	3	ml	704.000	
344	377	Ngũ vị tử	Uống	Viên	3	Viên	15.000	
345	378	Ngưu hoàng, Thạch cao, Đại hoàng, Hoàng cầm, Cát cánh, Cam thảo, Băng phiến	Uống	Viên nang	3	Viên	4.500	
346	379	Ngưu nhĩ phong, La liễu	Uống	Viên	3	Viên	20.000	
347	380	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật)	Uống	Viên nang	3	Viên	918.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
348	381	Nha đạm tử, Berberin, Tỏi, Cát căn, Mộc hương	Uống	Viên	3	Viên	40.000	
349	382	Nha đạm tử, Berberin, Tỏi, Cát căn, Mộc hương	Uống	Viên bao tan ở ruột	3	Viên	280.000	
350	383	Nhân sâm, Bạch truật, Cam thảo, Đại táo, Bạch linh, Hoài sơn, Cát cánh, Sa nhân, Bạch biển đậu, Ý dĩ, Liên nhục	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.416.000	
351	384	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân	Uống	Viên nang	3	Viên	41.000	
352	385	Nhân sâm, Lộc nhung, Đương quy, Đỗ trọng, Thục địa, Phục linh, Ngưu tất, Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Nhục thung dung, Sơn thủ, Bạch truật, Kim anh, Nhục quế, Cam thảo	Uống	Viên	3	Viên	518.900	
353	386	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	196.000	
354	387	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	229.200	
355	388	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	Uống	Viên	3	Viên	205.000	
356	389	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	Uống	Viên nang	3	Viên	325.000	
357	390	Nhân sâm, Tam thất	Uống	Viên	3	Viên	60.000	
358	391	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương)	Uống	Viên	3	Viên	30.000	
359	392	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương)	Uống	Viên nang	3	Viên	131.000	
360	393	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	71.000	
361	394	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo)	Uống	Viên	3	Viên	439.000	
362	395	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	1.781.240	
363	396	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo)	Uống	Viên nang	3	Viên	326.832	
364	397	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa	Uống	Viên	3	Viên	477.000	
365	398	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa	Uống	Viên nang	3	Viên	2.121.000	
366	399	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	242.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
367	400	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông)	Uống	Viên nang	3	Viên	548.000	
368	401	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	6.322.640	
369	402	Phòng đảng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	802.656	
370	403	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chỉ xác, Hoàng cầm	Uống	Viên	3	Viên	152.000	
371	404	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chỉ xác, Hoàng cầm	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	415.000	
372	405	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chỉ xác, Hoàng cầm	Uống	Viên nang	3	Viên	721.744	
373	406	Pygeum africanum	Uống	Viên nang	3	Viên	438.000	
374	407	Quy bản/Cao xương, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu	Uống	Viên	3	Viên	512.000	
375	408	Quy bản/Cao xương, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu	Uống	Viên nang	3	Viên	746.000	
376	409	Râu mèo, Actiso, (Sorbitol)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	674.000	
377	410	Sài đất, Kim ngân hoa, thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Bồ công anh, Sinh địa, Thảo quyết minh	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	330.000	
378	411	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo	Uống	Viên	3	Viên	284.700	
379	412	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	159.000	
380	413	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà	Uống	Viên	3	Viên	24.000	
381	414	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	412.000	
382	415	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà	Uống	Viên nang	3	Viên	439.696	
383	417	Sài hồ, Tiền hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh/Bạch linh, Cát cánh, Nhân sâm/Đảng sâm, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	236.000	
384	418	Sài hồ, Tiền hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh/Bạch linh, Cát cánh, Nhân sâm/Đảng sâm, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	200.200	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
385	420	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	945.628	
386	421	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	4.643.700	
387	422	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	1.250.984	
388	423	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỷ tử/Câu kỷ tử, Bạch linh/phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao)	Uống	Viên	3	Viên	237.200	
389	424	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỷ tử/Câu kỷ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao)	Uống	Viên nang	3	Viên	211.200	
390	425	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh	Uống	Viên	3	Viên	153.800	
391	426	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh	Uống	Viên nang	3	Viên	1.640.000	
392	427	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo)	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	340.300	
393	428	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo)	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	662.900	
394	429	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo)	Uống	Viên nang	3	Viên	1.143.696	
395	431	Sử quân tử, Binh lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	420.300	
396	433	Tam thất	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	293.000	
397	434	Tam thất	Uống	Viên nang	3	Viên	164.000	
398	435	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo	Uống	Viên	3	Viên	142.900	
399	436	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	1.220.235	
400	437	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo	Uống	Viên	3	Viên	224.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
401	438	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	869.600	
402	439	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.445.200	
403	440	Tần giao, Thạch cao, Khương hoạt, Bạch chỉ, Xuyên khung, Tế tân, Độc hoạt, Phòng phong, Đương quy, Thục địa, Bạch thược/Bạch truật, Cam thảo, Phục linh, Hoàng cầm, Sinh địa	Uống	Viên	3	Viên	471.280	
404	442	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	136.000	
405	443	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà	Uống	Viên	3	Viên	2.176.500	
406	444	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà	Uống	Viên nang	3	Viên	119.980	
407	446	Thổ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đồng, Long não, Hạt dưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ	Uống	Viên nang	3	Viên	1.040.000	
408	447	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	Uống	Viên	3	Viên	96.400	
409	448	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	Uống	Viên nang	3	Viên	199.100	
410	449	Thỏ ty tử, Phúc bồn tử, Câu kỷ tử, Cửu thái tử, Thạch liên tử, Phá cố chỉ/Phá cố tử, Xà sàng tử, Kim anh tử, Ngũ vị tử, Thục địa, Dâm dương hoắc, Hải mã, Nhân sâm, Lộc nhung, Quế nhục	Uống	Viên	3	Viên	50.000	
411	450	Thỏ ty tử, Phúc bồn tử, Câu kỷ tử, Cửu thái tử, Thạch liên tử, Phá cố chỉ/Phá cố tử, Xà sàng tử, Kim anh tử, Ngũ vị tử, Thục địa, Dâm dương hoắc, Hải mã, Nhân sâm, Lộc nhung, Quế nhục	Uống	Viên nang	3	Viên	100.000	
412	451	Thục địa, Đương quy, Bạch thược/Hà thủ ô, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu/Ngải diệp, Hương phụ/Hương phụ chế, (Nghệ), (Đảng sâm)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	100.000	
413	452	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	844.000	
414	453	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	Uống	Viên nang	3	Viên	407.928	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
415	454	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	112.000	
416	455	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục	Uống	Viên	3	Viên	22.000	
417	456	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	2.080.000	
418	458	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục	Uống	Viên nang	3	Viên	365.200	
419	459	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	211.000	
420	460	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	507.000	
421	462	Thục địa, Hoài Sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Viên	3	Viên	646.400	
422	463	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	1.430.000	
423	464	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Viên hoàn mềm	3	Viên	60.000	
424	465	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả	Uống	Viên nang	3	Viên	1.011.600	
425	466	Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, (Đương quy)	Uống	Viên nang	3	Viên	767.600	
426	467	Thục địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	284.200	
427	468	Thục địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế	Uống	Viên nang	3	Viên	26.000	
428	469	Thục địa, Táo nhục, Củ súng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	1.150.000	
429	471	Thục địa, Táo nhục, Củ súng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải	Uống	Viên nang	3	Viên	509.000	
430	472	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa)	Uống	Viên nang	3	Viên	722.600	
431	474	Thương nhĩ tử, Tân di hoa, Cỏ hôi, Bạch chỉ, Tế tân, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Cát cánh, Sài hồ bắc, Bạc hà, Hoàng cầm, Chi tử, Phục linh	Uống	Viên	3	Viên	72.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
432	475	Thương nhĩ tử, Tân di hoa, Cỏ hôi, Bạch chỉ, Tế tân, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Cát cánh, Sài hồ bắc, Bạc hà, Hoàng cầm, Chi tử, Phục linh	Uống	Viên nang	3	Viên	198.800	
433	476	Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương)	Uống	Viên nang	3	Viên	1.510.700	
434	477	Tinh dầu Thiên niên kiện, Tinh dầu thông, Menthol, Methyl salicylat	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	24.000	
435	478	Tinh dầu tràm, (mỡ trăn), (nghệ)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	48.300	
436	479	Tinh dầu tràm/Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol)	Uống	Viên nang	3	Viên	1.325.000	
437	480	Tô mộc	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	142.000	
438	482	Tô mộc	Uống	Viên nang	3	Viên	488.000	
439	483	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	401.000	
440	484	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	220.000	
441	485	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	60.000	
442	486	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Viên	3	Viên	308.980	
443	487	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Viên hoàn cứng	3	Viên	1.375.000	
444	488	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo	Uống	Viên nang	3	Viên	670.184	
445	490	Tỏi, Nghệ	Uống	Viên nang	3	Viên	1.177.000	
446	491	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	Gói/ Ống	2.293.800	
447	492	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	3.707.600	
448	493	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương	Uống	Viên nang	3	Viên	795.000	
449	494	Trầu không	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	3	ml	320.000	
450	495	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế	Uống	Viên	3	Viên	1.813.000	
451	496	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền)	Uống	Viên nang	3	Viên	3.060.490	
452	497	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	13.797.854	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
453	498	Xích đồng nam, Ngấy hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	2.029.000	
454	499	Xuyên bối mẫu/Bối mẫu, Đại hoàng, Diên hồ sách, Bạch cập, Ô tặc cốt/Mai mực, Cam thảo	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	261.000	
455	500	Xuyên bối mẫu/Bối mẫu, Đại hoàng, Diên hồ sách, Bạch cập, Ô tặc cốt/Mai mực, Cam thảo	Uống	Viên hoàn cứng	3	gam	762.000	
456	501	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	187.700	
457	502	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	3	ml	192.400	
458	503	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngô thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến/Bomeol	Uống	Viên	3	Viên	121.990	
459	504	Xuyên tâm liên	Uống	Viên nang	3	Viên	7.700	
460	505	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ)	Uống	Viên nang	4	Viên	413.600	
461	506	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	ml	5.000	
462	507	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	ml	5.000	
463	509	Cao khô lá dâu tằm	Uống	Viên	4	Viên	56.000	
464	510	Cao khô lá dâu tằm	Uống	Viên nang	4	Viên	60.000	
465	511	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	Uống	Viên nang	4	Viên	1.207.000	
466	512	Đan sâm, Tam thất, Borneol/Băng phiến/Camphor	Uống	Viên hoàn giọt	4	Viên	270.000	
467	513	Dầu gió các loại	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	ml	237.500	
468	515	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	Viên nang	4	Viên	276.000	
469	516	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống	Viên	4	Viên	912.000	
470	517	Gừng	Uống	Viên nang	4	Viên	16.000	
471	518	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm)	Uống	Viên nang	4	Viên	1.270.000	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
472	519	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương)	Uống	Viên	4	Viên	20.000	
473	520	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh)	Uống	Viên nang	4	Viên	1.284.940	
474	521	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	ml	5.850.000	
475	523	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	Uống	Viên nang	4	Viên	10.000	
476	525	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	4	Viên	330.800	
477	526	Lá xoài	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	ml	800.000	
478	527	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp	Uống	Viên nang	4	Viên	20.000	
479	528	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	4	ml	627.240	
480	529	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salycilat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	ml	1.789.800	
481	530	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Uống	Viên nang	4	Viên	50.000	
482	531	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du)	Uống	Viên nang	4	Viên	279.822	
483	532	Nghệ vàng	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Gói/ Ống	49.000	
484	533	Ngưu nhĩ phong, La liễu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Gói	320.000	
485	534	Ngưu nhĩ phong, La liễu	Uống	Viên	4	Viên	125.000	
486	535	Nhân sâm, Thủy điệt, Toàn yết, Xích thược, Thuyền thoái, Thổ miết trùng, Ngô công, Đàn hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toan táo nhân, Băng phiến	Uống	Viên nang	4	Viên	20.000	
487	536	Ô đầu, Mã tiền/Địa liền, Thiên niên kiện, Quế nhục/Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	ml	766.180	
488	538	Tam Thất	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Gói	41.000	
489	540	Tinh dầu tràm/Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol)	Uống	Viên nang	4	Viên	903.000	
490	541	Tô mộc	Uống	Viên nang	4	Viên	32.000	
491	542	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	ml	9.370.280	

STT	Mã số	Tên thành phần của thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
492	543	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền)	Uống	Viên nang	4	Viên	1.918.744	
493	544	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	ml	3.413.904	
Tổng cộng: 493 mặt hàng.								